ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 374 /KH-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 *(sau đây gọi tắt là Đề án 06)*; trên cơ sở tham mưu, đề xuất của Công an tỉnh tại văn bản số 118/TTr CAT-PC06 ngày 30/5/2026 (sau khi có ý kiến góp ý, thống nhất của các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan); ý kiến biểu quyết thống nhất của các thành viên UBND tỉnh (biểu quyết trên hệ thống điện tử); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xác định dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử làm nền tảng cốt lõi để thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số; phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính, bảo đảm an sinh xã hội và giữ gìn an ninh, trật tự.

- Đổi mới căn bản phương thức phục vụ người dân, doanh nghiệp theo hướng "không giấy tờ", "không tiếp xúc", "không phụ thuộc địa giới hành chính", "một lần khai báo, nhiều lần sử dụng"; bảo đảm mọi giao dịch giữa người dân với cơ quan nhà nước từng bước được thực hiện trên môi trường số.

- Xây dựng hệ sinh thái dữ liệu số thống nhất trên địa bàn tỉnh, kết nối đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phục vụ hiệu quả công tác quản trị xã hội, hoạch định chính sách, dự báo, phân tích và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện Đề án 06; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị trong giai đoạn 2026-2035.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 theo Quyết

định số 826/QĐ-TTg; bảo đảm đồng bộ, liên thông, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã theo nguyên tắc "5-3-3-2-1"[1], bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực chất.

- Các nhiệm vụ phải được xác định rõ nội dung công việc, rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của từng đơn vị, địa phương; gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện định kỳ.

- Thủ trưởng, người đứng đầu các đơn vị, địa phương phải gương mẫu, quyết tâm cao, hành động nỗ lực đối với từng nhiệm vụ được giao, lựa chọn nguồn lực thực hiện hiệu quả; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện bảo đảm nguyên tắc 06 rõ[2], gắn với trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát của người đứng đầu các đơn vị, địa phương.

- Quá trình triển khai phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; ưu tiên triển khai các nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến đời sống dân sinh, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), phát triển kinh tế số, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ quá trình xây dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu; mọi hoạt động khai thác dữ liệu phải đúng quy định pháp luật, đúng mục đích, đúng thẩm quyền.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá thực chất; lấy kết quả triển khai Đề án 06 là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng hằng năm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy phát triển, ứng dụng cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử một cách mạnh mẽ, toàn diện, sâu rộng trong các ngành, lĩnh vực; phục vụ hiệu quả tiến trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh; góp phần thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cùng các nghị quyết, chương trình hành động của Chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương về triển khai Đề án 06 và chuyển đổi số[3].

Đến năm 2030, hoàn thiện đồng bộ các nền tảng, tiện ích cốt lõi của Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; bảo đảm người

---

[1] **5 trụ cột trọng tâm**: pháp lý, hạ tầng, dữ liệu, nguồn lực, an toàn - an ninh; triển khai ở **3 cấp chính quyền**; hướng đến **3 giá trị cốt lõi**: văn minh xã hội, phát triển kinh tế, phòng chống tội phạm; **2 nhóm chủ thể đồng hành**: nhà nước kiến tạo và khu vực tư nhân chủ động sáng tạo; **1 quyết tâm chính trị cao độ của người đứng đầu** trong toàn hệ thống.

[2] Rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả.

[3] Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 214/NQ-CP 2025 tập trung thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính trị Việt Nam; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được thụ hưởng các dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong giải quyết TTHC. Xây dựng thành công hệ sinh thái dữ liệu dân cư quốc gia kết nối liên thông đa ngành, dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", khai thác hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030: tập trung triển khai 06 nhóm mục tiêu cụ thể như sau: (1) Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành; (2) Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số; (3) Phục vụ phát triển công dân số; (4) Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu; (5) Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; (6) Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo *(Chi tiết các chỉ tiêu và nội dung thực hiện tại Phụ lục I kèm theo).*

Tầm nhìn đến năm 2035 mọi giao dịch giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước cơ bản được thực hiện trên môi trường số. Các CSDL của tỉnh được kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả, lấy dữ liệu dân cư làm nền tảng, phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành và ra quyết định trên CSDL số theo thời gian thực. Người dân được sử dụng các dịch vụ số thuận tiện, an toàn, được cá nhân hóa theo nhu cầu và từng giai đoạn của cuộc sống; dữ liệu và công nghệ số được ứng dụng sâu rộng trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, nông nghiệp, tư pháp, an sinh xã hội, thương mại, du lịch và bảo đảm quốc phòng, an ninh... Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao nhờ các tiện ích số. Văn hóa số, kỹ năng số từng bước trở thành phổ cập trong xã hội; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và xây dựng chính quyền số hiện đại.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP, PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư

- Tham mưu sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn triển khai để tháo gỡ điểm nghẽn, tạo hành lang pháp lý trong khai thác, sử dụng dữ liệu; ứng dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế - xã hội; phòng ngừa, xử phạt vi phạm trong lĩnh vực dữ liệu; hướng dẫn bảo vệ an ninh dữ liệu bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Ban hành hướng dẫn kỹ thuật, kiến trúc thống nhất về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, trong đó tích hợp, sử dụng một tài khoản duy nhất, đăng nhập một lần, truy cập xuyên suốt các phần mềm, hệ thống.

2. Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Tập trung thực hiện việc tái cấu trúc, cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu, trong đó: thực hiện công bố thông tin có trong các cơ sở dữ liệu; xây dựng từ điển dữ liệu dùng chung, Cổng Dịch vụ công quốc gia mô

hình giải quyết TTHC tập trung, thống nhất.

- Triển khai các sáng kiến, mở rộng các hình thức tiếp cận và sử dụng dịch vụ công, TTHC để tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cung cấp số liệu về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của các bộ, ngành, địa phương cho các cơ quan truyền thông để công bố, công khai trên các phương tiện truyền thông.

3. Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Tập trung xây dựng các không gian thử nghiệm thực tế (sandbox) để cung cấp môi trường thử nghiệm, nghiên cứu, đánh giá, sản phẩm, giải pháp mới, giao diện lập trình ứng dụng (API) và bộ dữ liệu mở, ẩn danh về dân cư, căn cước, định danh.

- Triển khai thúc đẩy sử dụng tài khoản định danh điện tử trong các giao dịch, thủ tục; ban hành các danh mục sản phẩm dịch vụ, các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử, đặc biệt các nhóm ngành tác động đến kinh tế số trong các lĩnh vực như: tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, logistics và thương mại điện tử.

- Nghiên cứu triển khai các giải pháp phục vụ xây dựng thành phố thông minh như "Bản sao số", "Mô hình địa điểm số" kết nối, ứng dụng Cơ sở dữ liệu địa điểm, dữ liệu dân cư và danh tính điện tử, gắn với dữ liệu khác.

4. Phục vụ phát triển công dân số

- Tập trung triển khai các giải pháp để công dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ trên môi trường số như: lấy ý kiến Nhân dân về các dự thảo luật, pháp lệnh, văn bản quy phạm pháp luật được đăng tải; quản lý khai thác, chia sẻ và giám sát việc khai thác, sử dụng dữ liệu công dân.

- Hoàn thiện việc tạo lập ví giấy tờ của công dân, tổ chức trên VNeID, tạo lập kho dữ liệu của công dân, tổ chức trên môi trường số theo quy định.

- Xây dựng các nền tảng số, cung cấp các tiện ích để thúc đẩy công dân thực hiện trên môi trường số; hoàn thiện các công cụ số cho công dân như: tài khoản định danh điện tử, căn cước, chữ ký số, tài khoản thanh toán…

- Triển khai các cơ chế khuyến khích đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, TTHC trực tuyến theo quy định.

- Đẩy mạnh phát triển các nền tảng số, cung cấp các tiện ích để thúc đẩy công dân thực hiện trên môi trường số; hoàn thiện các công cụ số cho công dân như: tài khoản định danh điện tử, căn cước, chữ ký số, tài khoản thanh toán… trên địa bàn.

- Triển khai hiệu quả các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, TTHC trực tuyến theo quy định.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về kỹ năng số của công dân, xây dựng chương trình đào tạo năng lực số theo các cấp độ phù hợp với từng nhóm đối tượng; đồng thời, tích hợp nội dung giáo dục công dân số vào chương trình giáo dục chính quy các cấp học, bậc học và chương trình giáo dục chính trị, tư tưởng trong hệ thống

chính trị, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả và khả thi; triển khai các khóa đào tạo công dân số trên nền tảng "Bình dân học vụ số"; triển khai các tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số.

5. Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu

- Triển khai xây dựng, đưa vào sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; hoàn thiện hạ tầng tập trung tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, di chuyển cơ sở dữ liệu lên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia; triển khai kiến trúc dữ liệu bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia.

- Nghiên cứu đề xuất nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới; hoàn thiện kết nối, đồng bộ dữ liệu phục vụ phân tích, chỉ đạo điều hành và tích hợp trên VNeID.

- Nghiên cứu triển khai nền tảng chuỗi khối quốc gia, định danh phi tập trung quốc gia, định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; hệ thống lưu trữ, giao kết, xác nhận giao dịch điện tử qua VNeID, nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị thống nhất qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP).

6. Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành

- Rà soát mô hình quản trị thông minh, xây dựng, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Xây dựng hệ thống giám sát dịch vụ công, cắt giảm TTHC; chỉ số điều hành, phân tích, đo lường hiệu quả kinh tế số, sức khỏe doanh nghiệp gắn với Đề án 06; đo lường mức độ phát triển công dân số; mô hình dự báo biến động dân số, di cư, nhu cầu dịch vụ công dựa trên dữ liệu thực tế.

- Triển khai nâng cấp Bản đồ số dân cư, xây dựng trợ lý ảo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn phục vụ chỉ đạo, điều hành.

7. An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội

- Đẩy mạnh tích hợp, sử dụng tài khoản an sinh xã hội; triển khai hệ thống chi trả an sinh xã hội, nền tảng thiện nguyện và các hệ thống, nền tảng an sinh khác dựa trên dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

- Triển khai giải pháp xác thực thông tin thuê bao di động với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử phục vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Triển khai công cụ phân tích mối quan hệ gia đình, xã hội trong dữ liệu dân cư phục vụ điều tra, phòng ngừa tội phạm; tích hợp dữ liệu dân cư với cơ sở dữ liệu ADN, căn cước, hồ sơ vụ án; triển khai giải pháp cảnh báo sớm, thông tin tài khoản phạm tội, phòng, chống lừa đảo, rò rỉ dữ liệu.

8. Bảo đảm an ninh mạng

- Hoàn thiện hệ thống an ninh mạng, bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân cho các cơ sở dữ liệu trong quá trình khai thác, chia sẽ dữ liệu giữa các ngành.

- Xây dựng quy trình giám sát, phát hiện và xử lý các sự cố an toàn thông tin, bảo vệ quyền lợi của người dân và doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Đề nghị bổ sung nội dung đảm bảo an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình khai thác, chia sẽ dữ liệu giữa các ngành.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chủ quản hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh - xác thực điện tử.

9. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đo lường và đánh giá triển khai

- Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu dân cư của các Sở, ngành, UBND cấp xã bảo đảm đúng mục đích, đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.

- Thanh tra công vụ, kiểm tra cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công.

- Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên VNeID; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả chấm điểm phần mềm theo dõi, giám sát Đề án 06 (Dean06.vn) để đánh giá tại Phiên họp Thường kỳ UBND tỉnh hàng tháng.

(Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tại Phụ lục II kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước đảm bảo và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác; trong đó:

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên gắn với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước tại đơn vị, địa phương do đơn vị, địa phương đảm bảo nguồn chi thường xuyên được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị, địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Các nhiệm vụ phát sinh khác do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn kinh phí chi cho Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Quốc gia và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng dự toán kinh phí hằng năm gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, bố trí theo quy định.

3. Ưu tiên bố trí kinh phí đối với các nhiệm vụ trọng điểm như xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, hạ tầng công nghệ thông tin cấp xã, hệ thống IOC, số hóa dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin.

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh: chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động của Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 được triển khai theo Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

2. Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo: giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được quy định tại Kế hoạch này.

3. Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 tỉnh: trực tiếp làm việc với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức để đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030. Định kỳ hàng tháng, đột xuất báo cáo Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 của Chính phủ, kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

Tổ công tác sử dụng bộ máy giúp việc là Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh, Phòng Nội chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, hỗ trợ đầu tư - Văn phòng UBND tỉnh và được huy động chuyên gia để thực hiện nhiệm vụ được giao. Kinh phí hoạt động của Tổ công tác được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Công an tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4. Các sở, ban, ngành, địa phương

- Chủ động rà soát, đề xuất bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ Đề án 06 thuộc phạm vi quản lý; ưu tiên nguồn lực cho chuyển đổi số, xây dựng CSDL chuyên ngành, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư và các hệ thống dùng chung của tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp sử dụng các tiện ích của Đề án 06 và ứng dụng VNeID; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm gắn với cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 thuộc phạm vi quản lý; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các tồn tại, vi phạm theo thẩm quyền. Đối với các nội dung liên ngành, thanh tra công vụ và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, thực hiện theo quy định và chỉ đạo của UBND tỉnh, Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành chủ động nghiên cứu, đề xuất và triển khai các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và cung cấp dịch vụ công; tập trung các lĩnh vực có nhiều giao dịch với người dân, doanh nghiệp như y tế, giáo dục, an sinh xã hội, ngân hàng, thuế, đất đai,

giao thông và thương mại điện tử.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC thông qua ứng dụng VNeID và các hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; lấy kết quả triển khai nhiệm vụ, kết quả chấm điểm trên hệ thống theo dõi, giám sát Đề án 06 (Dean06.vn) làm một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng tháng đối với cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Công an tỉnh

- Là cơ quan thường trực tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; chủ trì quản lý, vận hành, khai thác hiệu quả CSDL quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và tính sẵn sàng của các hệ thống phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử; duy trì bảo đảm dữ liệu dân cư "đúng, đủ, sạch, sống"; tổ chức đối chiếu, đồng bộ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với dữ liệu hộ tịch, bảo hiểm, y tế, giáo dục, đất đai, lao động, thuế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

- Tổ chức thu nhận hồ sơ cấp căn cước, cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho công dân (đặc biệt là công dân từ 6 đến dưới 14 tuổi) và cấp định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; đẩy mạnh hướng dẫn người dân tích hợp giấy tờ điện tử lên VNeID.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với toàn bộ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu kết nối, khai thác dữ liệu dân cư; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ; quản lý phân quyền khai thác dữ liệu; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Chủ trì xác định, cung cấp bộ chỉ số, dữ liệu, phương thức kết nối, tần suất cập nhật và phân quyền khai thác dữ liệu liên quan đến dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ theo dõi, giám sát kết quả triển khai Đề án 06 trên IOC tỉnh; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng dashboard phục vụ chỉ đạo, điều hành.

- Rà soát nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch của các đơn vị, địa phương gửi Sở Khoa học và Công nghệ rà soát sự cần thiết và dự toán kinh phí triển khai.

- Theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Đề án 06 của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; định kỳ tham mưu báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và đề xuất biểu dương, khen thưởng hoặc xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thực hiện chưa bảo đảm tiến độ, yêu cầu đề ra.

6. Văn phòng UBND tỉnh

- Phối hợp với Công an tỉnh theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai Đề án 06 tại các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Tổ công tác Đề án 06 tỉnh chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

trong quá trình thực hiện.

- Chủ trì tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC theo hướng điện tử hóa, tự động hóa và phi địa giới hành chính; bảo đảm người dân có thể thực hiện TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã nào trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu rà soát, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh bảo đảm đồng bộ, liên thông với Cổng Dịch vụ công quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL chuyên ngành; thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID trong thực hiện TTHC.

- Đồng bộ trạng thái xử lý hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC lên VNeID; triển khai tái sử dụng dữ liệu số hóa trong toàn bộ quá trình giải quyết TTHC.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia khi có yêu cầu; tiếp tục duy trì, mở rộng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu đồng bộ từ tỉnh đến cấp xã phục vụ tra cứu, giải quyết TTHC.

- Chủ trì xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh kết nối dữ liệu dân cư và dữ liệu chuyên ngành; kết nối đồng bộ với CSDL quốc gia về dân cư, triển khai hệ thống dashboard theo dõi Đề án 06 theo yêu cầu của Bộ Công an.

- Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số liên quan đến dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Căn cứ đề xuất của Công an tỉnh, rà soát, đánh giá sự cần thiết, có ý kiến về sự phù hợp của nội dung, số liệu dự toán của từng nhiệm vụ với các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật và phát luật chuyên ngành; báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, hỗ trợ kinh phí; gửi Sở Tài chính để tham mưu phương án kinh phí triển khai thực hiện.

8. Sở Tài chính

- Căn cứ đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và khả năng cân đối nguồn vốn, tham mưu phương án kinh phí triển khai thực hiện phương án theo phân cấp quản lý, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

- Bảo đảm bố trí ngân sách nhà nước đầy đủ, kịp thời để triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án về chuyển đổi số, phát triển dữ liệu và thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng số, Trung tâm dữ liệu và các hệ thống CSDL dùng chung theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đưa các dự án về xây dựng, phát triển dữ liệu và chuyển đổi số vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

cho các nhiệm vụ thuộc Đề án 06, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục tiêu, tránh thất thoát, lãng phí.

9. Sở Y tế

- Tổ chức triển khai, hoàn thiện xây dựng CSDL ngành Y tế và các CSDL chuyên ngành theo quy định; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu trong toàn ngành với các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh thực hiện số hóa, chuẩn hóa và liên thông dữ liệu y tế bảo đảm phục vụ triển khai Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID, bảo đảm thuận tiện cho người dân, giảm TTHC và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức triển khai hoàn thành việc xây dựng, cập nhật và chuẩn hóa CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu đồng bộ trong hệ thống chính trị theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ, phục vụ quản lý nhà nước và điều hành trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai tích hợp, xác thực và hiển thị học bạ số, văn bằng, chứng chỉ điện tử trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID, bảo đảm an toàn, chính xác, thuận tiện trong khai thác và sử dụng.

11. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Triển khai tái sử dụng dữ liệu đất đai phục vụ cắt giảm TTHC, giảm giấy tờ cho người dân khi thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai.

12. Sở Tư pháp

- Tiếp tục hướng dẫn UBND cấp xã rà soát, làm sạch dữ liệu; khai thác, vận hành hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; duy trì kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đám khả năng khai thác, tái sử dụng dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Chủ trì rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến dữ liệu số, giấy tờ điện tử và cắt giảm TTHC; phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương trong việc sửa đổi, bổ sung văn bản theo thẩm quyền.

13. Sở Xây dựng

- Phối hợp với UBND cấp xã và Công an tỉnh rà soát, chuẩn hóa và triển khai việc gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư 08/2024/TTBXD ngày 30/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các văn bản hướng dẫn liên quan; bảo đảm địa chỉ số nhà được cập nhật, đồng bộ với CSDL quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý cư trú và giải quyết TTHC.

- Chủ trì triển khai ứng dụng giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt tại các bãi đỗ xe, điểm trông giữ phương tiện trên địa bàn tỉnh; kết nối dữ liệu định danh địa điểm với các nền tảng thanh toán số, bảo đảm tiện lợi, minh bạch, an toàn.

14. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh khu vực 8

- Tiếp tục chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, chi trả an sinh xã hội, dịch vụ công...

- Thực hiện theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc phối hợp với ngành công an và các cơ quan liên quan nhằm thúc đẩy kết nối, khai thác và đồng bộ hóa dữ liệu thông tin tín dụng với CSDL quốc gia về dân cư, phục vụ xác thực, đối chiếu, làm sạch dữ liệu khách hàng vay, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tín dụng.

- Chỉ đạo các Tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ định danh điện tử trong dịch vụ khách hàng; triển khai các giải pháp an ninh để phòng chống tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, bảo đảm giao dịch trực tuyến an toàn cho người dân.

15. Đề nghị Báo và phát thanh truyền hình Hà Tĩnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền toàn diện, liên tục về Đề án 06 trên tất cả các nền tảng báo chí (báo in, báo điện tử), phát thanh, truyền hình và các trang mạng xã hội của đơn vị. Tập trung tuyên truyền về lợi ích của chuyển đổi số, tiện ích của tài khoản định danh điện tử VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân; biểu dương các mô hình hay, cách làm sáng tạo, điển hình tiên tiến; sản xuất các chương trình tọa đàm, video hướng dẫn người dân sử dụng VNeID và dịch vụ công trực tuyến một cách trực quan, dễ hiểu, phù hợp với mọi lứa tuổi; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

16. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, triển khai thực hiện Đề án 06 trong hoạt động của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu cải cách tư pháp, chuyển đổi số.

Tổ chức số hóa, chuẩn hóa và từng bước kết nối, chia sẻ CSDL về bản án, quyết định và các dữ liệu liên quan với CSDL quốc gia về dân cư theo quy định, phục vụ hiệu quả công tác xét xử, thi hành án và quản lý tư pháp. Thường xuyên theo dõi, cập nhật, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai Đề án 06 trong hoạt động của Tòa án nhân dân.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND cấp xã căn cứ nội dung Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; hoàn thành và gửi về UBND tỉnh *(qua Công an tỉnh)* **trước ngày 20/6/2026** để theo dõi, tổng hợp.

2. Chế độ thông tin báo cáo: định kỳ trước ngày 10 hằng tháng, các cơ quan,

đơn vị, địa phương báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án 06 về Công an tỉnh để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Công an theo quy định.

3. Giao Công an tỉnh chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh *(qua Công an tỉnh)* để chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an (C06, V01);
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Trần Báu Hà

PHỤ LỤC I

MỤC TIÊU CỤ THỂ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2030	
I	**Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành**				
1	Tỷ lệ dịch vụ công, thủ tục hành chính (TTHC) hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu	%	50	80	Văn phòng UBND tỉnh
2	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi thành phần hồ sơ, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID hoặc khi đáp ứng toàn trình về dữ liệu	%	50	80	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh
3	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID	%	50	100	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh
4	Tỷ lệ cá nhân, doanh nghiệp có tài khoản định danh điện tử được cung cấp phương thức để nhận thông báo từ Cơ quan nhà nước và phản ánh kiến nghị với cơ quan nhà nước qua VNeID	%	100		Công an tỉnh
5	Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ công	%	80	90	Văn phòng UBND tỉnh

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2030	
6	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công	%	95		Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh
7	Tích hợp hệ thống Trung tâm điều hành thông minh với hệ thống Trung tâm dữ liệu dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	%	100		Sở Khoa học và Công nghệ
8	Tỷ lệ phổ cập địa chỉ số, định danh địa điểm đối với nhà ở và trụ sở cơ quan tổ chức	%		100	Công an tỉnh, Sở Xây dựng
9	Tỷ lệ các thủ tục hành chính, dịch vụ công được nộp hồ sơ "phi địa giới"	%	100		Văn phòng UBND tỉnh
II	**Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số**				
1	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong thực hiện dịch vụ công	%	60	80	Văn phòng UBND tỉnh
2	Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên các nền tảng thương mại điện tử trung gian được định danh điện tử và kết nối thông tin kinh doanh với cơ quan thuế để đảm bảo kê khai - nộp thuế minh bạch	%	100		Thuế tỉnh Hà Tĩnh, Công an tỉnh
3	Tỷ lệ khách hàng có thể định danh, xác thực bằng thẻ Căn cước và tài khoản VNeID khi sử dụng dịch vụ tài chính	%	50	100	Sở Tài chính, Công an tỉnh

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2030	
4	Tỷ lệ thông tin thuê bao di động được xác thực với CSDLQG về dân cư, căn cước hoặc định danh điện tử	%	100		Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh
5	Tỷ lệ bệnh viện triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng thẻ căn cước thay thế thẻ sinh viên	%	50	80	Sở Y tế, Công an tỉnh
6	Tỷ lệ trường học triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng thẻ căn cước thay thế thẻ thẻ sinh viên	%	50	80	Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh
7	Tỷ lệ giao dịch thương mại điện tử và vận chuyển sử dụng dữ liệu địa điểm	%	80	100	Sở Công Thương, Công an tỉnh
8	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khai thác	%	90	95	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 8
9	Tỷ lệ giao dịch thương mại điện tử sử dụng thanh toán điện tử	%	80	90	Sở Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 8

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2030	
10	Tỷ lệ các ngành kinh tế ngành, lĩnh vực chuyển đổi số có ứng dụng dân cư, căn cước, định danh (theo triển khai của Bộ Công an)	%		80	Công an tỉnh
11	Mở rộng mô hình sử dụng thẻ căn cước thay thẻ ngân hàng trên toàn tỉnh	%		100	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 8
12	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử liên thông, dùng thống nhất trong khám chữa bệnh	%		100	Sở Y tế
13	Bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông đồng bộ giữa các hệ thống: Hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử và bảo hiểm y tế				Sở Y tế
14	Mỗi người dân sẽ có một sổ sức khỏe điện tử cá nhân được theo dõi suốt vòng đời				Sở Y tế
III	**Phục vụ phát triển công dân số**				
1	Đảm bảo mỗi công dân được cấp căn cước, có một danh tính điện tử duy nhất, an toàn và được pháp luật bảo vệ	%	100		Công an tỉnh
2	Đảm bảo quyền của công dân trong việc kiểm soát, quản lý thông tin cá nhân và lịch sử hoạt động số trên nền tảng VNeID	%	100		Công an tỉnh
3	Tỷ lệ người dân Việt Nam được cấp căn cước có tài khoản định danh điện tử mức độ 2	%	≥80	100	Công an tỉnh

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2030	
4	Cấp tài khoản định danh điện tử cho người nước ngoài	Tài khoản	Theo chỉ tiêu được giao	Theo chỉ tiêu được giao	Công an tỉnh
5	Số lượng tài khoản VNeID hoạt động thường xuyên	%	40	70	Công an tỉnh
6	Tỷ lệ cán bộ cơ quan nhà nước được tập huấn kỹ năng số cơ bản	%	100		Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ
7	Tỷ lệ các sở, ban, ngành, địa phương cung cấp học liệu và tổ chức khóa học trên nền tảng bình dân học vụ số.	%	100		Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh
8	Hoàn thành phổ cập kỹ năng số cơ bản cho lực lượng lao động	%	50	90	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Các chương trình phổ cập kỹ năng số, an toàn trong không gian mạng được đưa vào các trường học	%	100		Sở Giáo dục và Đào tạo
10	Tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID	%	40	70	Công an tỉnh
IV	**Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu**				

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2030	
1	Hoàn thành việc ban hành danh mục trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ danh mục lên hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung; xác định cụ thể các trường thông tin tham chiếu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; danh tính điện tử của tổ chức, người nước ngoài	%	100		Sở Khoa học và Công nghệ
2	Số hóa tạo lập dùng chung cho các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được tạo lập qua hệ thống số hóa dùng chung, không yêu cầu công dân kê khai giấy	%	≥50	≥80	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh
3	Tỷ lệ cá nhân, tổ chức doanh nghiệp được chủ động cung cấp thông tin của mình trên VNeID	%	100		Công an tỉnh
4	Tham gia xây dựng 12 cơ sở dữ liệu quốc gia trọng yếu được hoàn thành để phục vụ cải cách thủ tục hành chính và tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo chỉ đạo của Bộ Công an	CSDL	12		Công an tỉnh
5	Tỷ lệ giao dịch điện tử được chứng nhận, xác nhận dữ liệu giao dịch giữa các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp trên nền tảng VNeID	%		50	Công an tỉnh

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2030	
6	Tỷ lệ thủ tục hành chính có kết quả giải quyết được tích hợp, đồng bộ về VNeID phục vụ cắt giảm thủ tục hành chính	%		100	Công an tỉnh
7	Phối hợp đảm bảo hạ tầng để cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức khác được xác nhận tích hợp giấy tờ trên VNeID	%		100	Công an tỉnh
8	Đăng ký chuyển dịch hạ tầng lên Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ hệ thống thông tin hoạt động	Hạ tầng		Đảm bảo	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Đảm bảo hạ tầng phục vụ phát triển công dân số	Hạ tầng		Đảm bảo	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động 5G	%		99	Sở Khoa học và Công nghệ
V	**Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội**				
1	Tỷ lệ công dân có tài khoản hưởng an sinh xã hội	%	50	100	Công an tỉnh
2	Tỷ lệ người hưởng trợ cấp, lương hưu nhận qua tài khoản an sinh xã hội	%	≥50	100	Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh
3	Tham gia hoàn thành hệ thống tích hợp phục vụ chi trả an sinh xã hội theo phạm vi chức năng của địa phương.	Hệ thống	01		Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2030	
4	Tham gia hoàn thành việc nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư phục vụ phòng chống tội phạm theo phạm vi chức năng của địa phương	Hệ thống	01		Công an tỉnh
5	Tỷ lệ tội phạm sử dụng giấy tờ giả, danh tính giả giảm	%	≥70	80	Công an tỉnh
6	Tỷ lệ thông tin đối tượng vi phạm pháp luật có thể tra cứu qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	%	100		Công an tỉnh
7	Triển khai hệ thống Camera phục vụ mô hình đô thị thông minh			Triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Tham gia hoàn thành việc đồng bộ, kết nối, tích hợp cơ sở dữ liệu có liên quan phục vụ chi trả an sinh xã hội theo phạm vi chức năng của địa phương.	%		100	Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh
9	An ninh trật tự trị an được bảo đảm, tội phạm lừa đảo giảm so với năm 2025	%		50	Công an tỉnh
VI	**Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo**				
1	Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan, doanh nghiệp liên quan hoàn thành bộ dữ liệu mẫu, bộ dữ liệu mở được ẩn định danh về dân cư, căn cước, định danh, các thông tin tích hợp trên VNeID phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo	Bộ dữ liệu	Theo hướng dẫn của Bộ Công an	Theo hướng dẫn của Bộ Công an	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2030	
2	Tham gia nghiên cứu khoa học và ứng dụng được các cá nhân, tổ chức triển khai trên nền tảng dữ liệu dân cư, căn cước định danh điện tử và được ứng dụng hiệu quả trong thực tế		Theo hướng dẫn của Bộ Công an	Theo hướng dẫn của Bộ Công an	Công an tỉnh
3	Hưởng ứng, phát động các cuộc thi, nghiên cứu về ứng dụng dữ liệu với cuộc sống				Công an tỉnh
4	Nghiên cứu đưa ra sản phẩm kiểu mẫu theo mô hình hợp tác 03 nhà: "Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp"	Sản phẩm	Theo tình hình thực tế tại địa phương, hoặc theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương	Theo tình hình thực tế tại địa phương, hoặc theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
I	**Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư**				
1	Tham gia góp ý xây dựng, sửa đổi các văn bản pháp lý có liên quan[4] theo chức năng của địa phương.	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành quan có liên quan	Theo đề nghị của Bộ Công an	Văn bản đóng góp ý kiến
2	Hướng dẫn kỹ thuật, kiến trúc thống nhất về Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Trong đó, tích hợp, sử dụng một tài khoản duy nhất đăng nhập một lần truy cập xuyên suốt các phần mềm, hệ thống.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm TT & HTXT, ĐTT)	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành liên quan	Sau khi có văn bản hướng dẫn của cơ quan Trung ương	Văn bản hướng dẫn
3	Kế thừa, sử dụng thống nhất Hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương	Tháng 12/2026	Triển khai tài liệu hướng dẫn của Bộ Công an

[4] Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Cư trú để đảm bảo công tác quản lý cư trú trong tình hình mới; Luật Định danh và xác thực điện tử; Nghị quyết của Chính phủ về đấu giá tài sản công trực tuyến theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết về phát triển Công dân số theo hình thức quy phạm pháp luật; Nghị định xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực dữ liệu; Nghị định quy định hoạt động sàn dữ liệu; Nghị định quy định về hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Nghị định quy định về định danh địa điểm; Nghị định về cơ chế đột phá cho hoạt động của Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu với các cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp…

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
4	Phối hợp tham gia sửa đổi các văn bản quy phạm, hướng dẫn bảo vệ an ninh dữ liệu, bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất hạ tầng, ứng dụng theo quy định	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống được kiểm tra đảm bảo an ninh, an toàn
5	Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công để đề xuất sửa đổi, bổ sung để khuyến khích phát triển công dân số	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Tư pháp	Tháng 3/2027	Văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung
II	**Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến**				
1	Kết nối, tích hợp đăng nhập tài khoản định danh, đặc biệt tài khoản định danh tổ chức, người nước ngoài phục vụ dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính;	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh, các sở, ngành, địa phương	Tháng 12/2026	VNeID được tích hợp đăng nhập giải quyết thủ tục hành chính cho tất cả các đối tượng;
2	Nghiên cứu đề xuất giải pháp “Trạm công dân số” tại các địa điểm công cộng, cơ quan hành chính và trung tâm dịch vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan	Tháng 01/2027	Giải pháp “Trạm công dân số” được đưa vào triển khai phổ cập

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
3	Hàng tháng cung cấp số liệu về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của các sở, ngành, địa phương cho các cơ quan truyền thông trên địa bàn (Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh…) để công bố, công khai trên các phương tiện truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các sở, ngành có liên quan	Thực hiện thường xuyên	Kết quả cắt giảm TTHC được công bố trên các phương tiện truyền thông
4	Công bố các trường thông tin trong CSDL được khai thác và hướng dẫn phương thức, quy trình kết nối chia sẻ, khai thác, sử dụng để thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ thủ tục hành chính.	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Thực hiện thường xuyên	Các sở, ngành công bố trường thông tin trong CSDL phục vụ giải quyết TTHC
III	**Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**				
1	Ban hành danh mục nền tảng, sản phẩm số thuộc ngành, lĩnh vực tích hợp, ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử.	Các sở, ngành, địa phương	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 3/2027	Danh mục nền tảng, sản phẩm số từng ngành, lĩnh vực được ban hành, bảo đảm tích hợp và ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
2	Hưởng ứng cuộc thi "dữ liệu với cuộc sống – data for life" để khuyến khích đổi mới sáng tạo, xây dựng sản phẩm số	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	Kết quả dự thi
3	Nghiên cứu "Bản sao số" dựa trên Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm, gắn với dữ liệu dân cư và danh tính điện tử, gắn với dữ liệu camera và các cảm biến.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành có liên quan	Tháng 1/2030	Mô hình được triển khai, đi vào vận hành
IV	**Phục vụ phát triển công dân số**				
1	Khẩn trương tích hợp các tài liệu, học liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn trên nền tảng Bình dân học vụ số	Các sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ, Sở Khoa và Công nghệ	Thực hiện thường xuyên	Học liệu về các lĩnh vực được tích hợp lên nền tảng Bình dân học vụ số
2	Triển khai các khóa đào tạo công dân số trên nền tảng "Bình dân học vụ số"	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Các khóa đào tạo trên nền tảng học tập trực tuyến

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
3	Tham mưu bố trí kinh phí triển khai xây dựng và duy trì nền tảng "Bình dân học vụ số", kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số, kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ năng số và kinh phí khác phục vụ triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" và tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06 tại địa phương	Sở Tài chính	Các sở, ngành liên quna	Tháng 6/2026	Triển khai hiệu quả nền tảng Bình dân học vụ số
4	Bố trí ngân sách ưu tiên hỗ trợ thiết bị phục vụ phát triển kỹ năng số cho cán bộ, công chức cũng như người dân. Các sở, ngành, địa phương tăng cường, đẩy mạnh tuyên truyền các chính sách miễn giảm thuế, phí hỗ trợ người yếu thế	Các sở, ngành, địa phương	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Người yếu thế được hưởng các chính sách miễn giảm thuế, phí trong các hoạt động đời sống xã hội
5	Công bố hướng dẫn chi tiết việc thực hiện chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, thủ tục hành chính trực tuyến theo quy định.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 02/2027	Hướng dẫn thực hiện chính sách, quy định của cơ quan Trung ương

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
7	Tham gia xây dựng ứng dụng VNeID thành nền tảng số quốc gia đa tiện ích phục vụ chuyển đổi số, phát triển công dân số: (1) Lưu trữ dữ liệu số của công dân; (2) Định danh xác thực điện tử; (3) Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính; (4) Liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, dịch vụ tiền di động trên ứng dụng VNeID để thực hiện thanh toán, chi trả an sinh xã hội; (5) Là kênh giao tiếp chính thức, đảm bảo an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp, và người dân với người dân; (6) Các tiện ích khác.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Đánh giá theo các mốc năm 2027, 2030	Hệ thống VNeID được đảm bảo triển khai thực hiện
8	Hướng dẫn các cơ sở y tế kết nối, chia sẻ dữ liệu để triển khai Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID	Sở Y tế	Công an tỉnh	Tháng 6/2026	Chia sẻ dữ liệu y tế
V	**Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu**				

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
1	Ban hành trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ danh mục lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung; xác định cụ thể các trường thông tin tham chiếu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; danh tính điện tử của tổ chức, người nước ngoài.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành	Quý I/2027	Danh mục bộ trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu được ban hành, cập nhật lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung và kết nối với CSDLQG về dân cư
2	Khẩn trương hoàn thành xây dựng, đưa vào sử dụng các CSDL quốc gia, chuyên ngành theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Nghị quyết 214/NQ-CP - đảm bảo "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".	Các sở, ngành, địa phương	Công an tỉnh	Theo tiến độ đã được giao	Đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia
3	Tham gia xây dựng, triển khai và khai thác nền tảng chuỗi khối quốc gia	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 3/2028	Khai thác có hiệu quả hệ thống
4	Tham gia xây dựng hệ thống định danh phi tập trung quốc gia	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 3/2028	Góp phần đưa vào vận hành hệ thống

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
5	Tham gia nghiên cứu xây dựng nền tảng quốc gia về định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 3/2028	Góp phần đưa vào vận hành hệ thống
6	Xây dựng, triển khai Nền tảng Lưu trữ số quốc gia	Sở Nội vụ	Công an tỉnh	Theo yêu cầu của Bộ Nội vụ	Văn bản đóng góp ý kiến
VI	**Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành**				
1	Nghiên cứu mô hình quản trị điều hành dựa trên bản sao số trên nền tảng định danh địa điểm	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ngành, địa phương	Tháng 3/2028	Do Chính phủ lựa chọn địa phương triển khai thí điểm
2	Rà soát, cấp đầy đủ chữ ký số cá nhân cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức theo quy định để xử lý công việc trên môi trường điện tử; cung cấp triển khai các giải pháp bảo mật thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được cấp chữ ký số trên môi trường điện tử và được sử dụng giải pháp, sản phẩm bảo mật của Ban Cơ yếu

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
					Chính phủ theo quy định
3	Xây dựng, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của đơn vị để kết nối, chia sẻ thông tin về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh	Tháng 12/2026	Đồng bộ dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành
4	Tham gia nghiên cứu đề xuất hệ thống Dashboard đo lường mức độ phát triển công dân số	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 3/2027	Văn bản đóng góp ý kiến
6	Nghiên cứu ứng dụng các mô hình dự báo biến động dân số, di cư, nhu cầu dịch vụ công dựa trên dữ liệu thực tế (mô hình do Bộ Công an phát triển)	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan	Sau khi Bộ Công an xây dựng mô hình	Kết quả phân tích, báo cáo thông minh; bản đồ số dân cư tích hợp dữ liệu nhân khẩu, hộ gia đình, phân bố địa lý phục vụ quản lý và điều hành phát triển KT-XH

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
7	Nghiên cứu ứng dụng công cụ phân tích, báo cáo thông minh và bản đồ số dân cư phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh (công cụ do Bộ Công an phát triển)	Công an tỉnh	Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ và các đơn vị có liên quan	Sau khi Bộ Công an xây dựng bộ công cụ	Kết quả áp dụng công cụ phân tích, báo cáo thông minh; bản đồ số dân cư tích hợp dữ liệu nhân khẩu, hộ gia đình, phân bố địa lý phục vụ quản lý và điều hành phát triển KT-XH
8	Xây dựng Khung đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số hàng năm cho các sở, ngành, địa phương trong đó bổ sung các tiêu chí về mức độ mở dữ liệu, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Bộ Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của các đơn vị
VII	**An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội**				

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
1	Xác thực thông tin thuê bao di động với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để xử lý SIM rác	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Tất cả các thông tin thuê bao di động được xác thực với cơ sở dữ liệu định danh điện tử quốc gia
2	Xác thực thông tin tài khoản ngân hàng với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để xử lý tài khoản ảo	Ngân hàng nhà nước Chi nhánh khu vực 8	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Tất cả các tài khoản ngân hàng được xác thực với cơ sở dữ liệu định danh điện tử quốc gia
3	Triển khai hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội trên nền tảng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử; phổ cập tài khoản an sinh xã hội trên VNeID	Sở Y tế, Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh	Công an tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 8	Tháng 1/2028	Hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội trên nền tảng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử đi vào vận hành

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
4	Phối hợp kết nối hệ thống định danh điện tử, hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội để chi trả lương hưu, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản chi trả khác của cơ quan nhà nước đến người dân	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Công an tỉnh	Tháng 02/2027	Hoàn thành kết nối vào thực hiện chi trả
5	Đồng bộ dữ liệu thất nghiệp, dữ liệu việc làm, các nguồn dữ liệu khác về hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư phục vụ chi trả an sinh xã hội để phân tích, hoạch định chi trả và phòng chống tội phạm	Sở Nội vụ	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Kho dữ liệu tổng hợp về an sinh xã hội, việc làm, thất nghiệp phục vụ phân tích, dự báo
6	Triển khai các công cụ phân tích mối quan hệ gia đình, xã hội để cung cấp dữ liệu di biến động, dữ liệu làm giàu, dữ liệu đa nguồn phục vụ tra cứu, đấu tranh phòng chống tội phạm	Công an tỉnh	Các sở, ngành	Tháng 1/2028	Hệ thống dữ liệu dân cư được nâng cấp, mở rộng, cung cấp dữ liệu động phục vụ công tác nghiệp vụ

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
7	Đề xuất nâng cấp tiện ích tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm trên VNeID để tiếp nhận tin báo tội phạm công nghệ cao, kèm bằng chứng tức thời	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp	Tháng 12/2027	Đề xuất tiện ích tố giác tội phạm số trên VNeID có khả năng nhận, lưu trữ và chuyển giao bằng chứng điện tử
VIII	**Bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống, nền tảng kết nối**				
1	Nghiên cứu đề xuất triển khai các Trung tâm giám sát an ninh mạng, an ninh dữ liệu gắn với các Trung tâm dữ liệu và hệ thống của cơ quan nhà nước	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 12/2026	Hệ thống giám sát an ninh mạng đi vào hoạt động
2	Nghiên cứu đề xuất nâng cấp, mở rộng quy mô, phạm vi, năng lực toàn diện cho các giải pháp bảo đảm an ninh mạng tiên tiến, hiện đại liên kết với Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, hướng tới đạt chứng chỉ quốc tế ISO 27001.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 6/2028	Hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư được nâng cấp, triển khai đáp ứng
3	Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.	Các sở, ngành, địa phương	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống, thiết bị được rà soát, triển khai đảm bảo

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
IX	**Hợp tác quốc tế**				
1	Tăng cường hợp tác quốc tế về an toàn thông tin, an ninh mạng, chuyển đổi số để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ với các tổ chức, quốc gia khác	Công an tỉnh	Sở Ngoại vụ, các sở, ngành, UBND xã, phường	Thực hiện thường xuyên	
X	**Thanh tra, kiểm tra, giám sát**				
1	Kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các sở, ngành, địa phương, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	
2	Kiểm tra công vụ, đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	
3	Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các sở, ngành, địa phương, đảm bảo tuân thủ quy định về bảo mật và khai thác dữ liệu	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
4	Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nhà nước có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh - xác thực điện tử.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống được kiểm tra đảm bảo an ninh, an toàn
5	Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để đánh giá hàng tháng	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thực hiện thường xuyên	